

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *707* /STC-NST

Nghệ An, ngày *22* tháng *3* năm 2019

v/v công khai ngân sách

Quý 1 năm 2019

Kính gửi: Công thông tin điện tử tỉnh Nghệ An

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách; Công văn số 4395/UBND-KT ngày 19/6/2018 của UBND tỉnh (Trong đó: giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Công thông tin điện tử tỉnh Nghệ An để công khai số liệu ngân sách theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước).

Để đảm bảo công khai ngân sách địa phương đúng thời hạn quy định, Sở Tài chính kính đề nghị Công thông tin điện tử tỉnh Nghệ An đăng tải Tình hình thực hiện dự toán NSDP 3 tháng năm 2019 trên chuyên mục CÔNG KHAI NGÂN SÁCH.

(Có Báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN 3 tháng năm 2019 của Sở Tài chính kèm theo).

Mọi thông tin liên quan xin vui lòng liên hệ qua số điện thoại: 0914.825.999 (đ/c Hà - Phòng Ngân sách tỉnh).

Sở Tài chính rất mong nhận được sự phối hợp của Quý đơn vị ./.

Nơi nhận: *Ước*

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, NST.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Việt Dũng

Nghệ An, ngày 20 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước quý I và nhiệm vụ, giải pháp tháng quý II năm 2019 *(Tài liệu công khai NSNN)*

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN QUÝ I NĂM 2019

1. Thu ngân sách:

Dự toán HĐND tỉnh giao 13.498 tỷ đồng.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quý I năm 2019 ước thực hiện 3.354 tỷ đồng, đạt 24,9% dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 14,5% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó:

- **Thu nội địa:** 3.014 tỷ đồng, đạt 25,6% dự toán và tăng 23,2% so với cùng kỳ năm 2018. Loại trừ thu tiền sử dụng đất thì thu nội địa đạt 2.311 tỷ đồng, đạt 24,6% dự toán và tăng 15,1% cùng kỳ năm 2018. Thu tiền sử dụng đất 703 tỷ đồng, đạt 29,8% dự toán, tăng 60,6% so với cùng kỳ.

- **Thu từ hoạt động XNK:** 340 tỷ đồng, đạt 20% dự toán và bằng 70,4% so với cùng kỳ năm 2018.

(Có biểu chi tiết kèm theo).

Như vậy, ước thực hiện thu ngân sách quý I năm 2019 cơ bản đạt tiến độ dự toán HĐND tỉnh giao và tăng so với cùng kỳ năm 2018. Một số khoản thu vượt dự toán: Thu từ doanh nghiệp Trung ương quản lý đạt 27,7% dự toán, Lệ phí trước bạ đạt 29,8% dự toán, Thuế thu nhập cá nhân đạt 34,1% dự toán, Thu phí và lệ phí đạt 32,7% dự toán, Thu tiền sử dụng đất đạt 29,8% dự toán, Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 61,1% dự toán.

Tuy nhiên, vẫn còn một số khoản thu chưa đạt tiến độ dự toán do chưa đến kỳ thu nộp như Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước; Thu hoa lợi công sản và quỹ đất công ích; Thu từ hoạt động XNK giảm so với cùng kỳ do ảnh hưởng của việc Nhà máy Tôn Hoa sen chuyển từ nhập khẩu phôi thép sang mua các loại thép từ nhà máy Formosa Hà Tĩnh (sản xuất trong nước).

2. Chi ngân sách:

Dự toán HĐND tỉnh giao: 24.341,1 tỷ đồng.

Chi ngân sách địa phương quý I năm 2019 ước thực hiện 5.354 tỷ đồng, đạt 22% dự toán HĐND tỉnh giao.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

- **Chi đầu tư phát triển:** 1.050 tỷ đồng, đạt 20,2% dự toán. Trong quý I năm 2019 chủ yếu tập trung giải ngân vốn XDDB năm 2018 chuyển qua. Ngành tài chính tập trung nhập chi tiêu kế hoạch vốn xây dựng cơ bản năm 2019 vào hệ thống Tabmis để tạo điều kiện cho các chủ đầu tư có thể thanh toán vốn ngay từ đầu năm.

- **Chi thường xuyên:** 4.269 tỷ đồng, đạt 22,8% dự toán.

Chi thường xuyên quý I năm 2019 chủ yếu tập trung chi lương, các khoản có tính chất lương và kinh phí hoạt động có tính chất thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, các sự nghiệp, đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

SỞ TÀI CHÍNH NGHỆ AN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SỐ SÁNH ƯTH VỚI DT NĂM (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	13.498.000	3.354.640	24.9%
I	Thu cân đối NSNN	13.498.000	3.354.640	24.9%
1	Thu nội địa	11.798.000	3.014.640	25.6%
2	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.700.000	340.000	20.0%
3	Thu viện trợ			-
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
B	TỔNG CHI NSDP	24.344.151	5.354.300	22.0%
I	Chi cân đối NSDP	24.344.151	5.354.300	22.0%
1	Chi đầu tư phát triển	5.193.307	1.050.000	20.2%
2	Chi thường xuyên	18.740.072	4.269.300	22.8%
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.890	0	0.0%
4	Dự phòng ngân sách	407.882	35.000	8.6%
C	BỘI THU NSDP	424.600	0	0.0%
D	Chi trả nợ gốc	716.900	0	0.0%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2019

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN HĐND TỈNH GIAO	ƯTH THU QUÝ I	SO SÁNH (%)	
				ƯTH/DT HĐND TỈNH GIAO	ƯTH VỚI CÙNG KỲ 2018
1	2	3	4	5=4/3	6
	Tổng thu NSNN trên địa bàn (I+II)	13.498.000	3.354.640	24.9%	114.5%
I	Thu nội địa (thu từ SXKD trong nước)	11.798.000	3.014.640	25.6%	123.2%
	<i>Thu nội địa không kể thu tiền sử dụng đất</i>	<i>9.410.000</i>	<i>2.311.370</i>	<i>24.6%</i>	<i>115.1%</i>
1	Thu từ doanh nghiệp Trung ương quản lý	675.000	187.090	27.7%	107.3%
2	Thu từ doanh nghiệp Địa phương quản lý	125.000	30.040	24.0%	93.2%
3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	260.000	63.230	24.3%	91.8%
4	Thu từ khu vực CTN-DV ngoài quốc doanh	4.490.000	1.077.840	24.0%	118.3%
5	Lệ phí trước bạ	740.000	220.250	29.8%	127.1%
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40.000	1.630	4.1%	81.4%
7	Thuế thu nhập cá nhân	505.000	171.980	34.1%	90.8%
8	Thuế bảo vệ môi trường	1.610.000	272.610	16.9%	112.1%
9	Thu phí và lệ phí	255.000	83.330	32.7%	128.2%
10	Thu tiền sử dụng đất	2.360.000	703.270	29.8%	160.6%
11	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	240.000	34.930	14.6%	112.7%
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	160.000	97.830	61.1%	160.8%
13	Thu khác ngân sách (*)	270.000	58.030	21.5%	125.4%
14	Thu hoa lợi công sản và quỹ đất công ích	40.000	5.870	14.7%	120.1%
15	Thu Xổ số kiến thiết	28.000	6.710	24.0%	109.3%
II	Thu từ hoạt động XNK	1.700.000	340.000	20.0%	70.4%

Ghi chú: (*) không bao gồm thu hồi các khoản chi năm trước

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DT HDND TỈNH GIAO	ƯTH QUÝ I	TỶ LỆ % ƯTH/DT
1	2	3	4	5=4/3
A	<u>Tổng chi ngân sách địa phương (I+II+III+IV)</u>	<u>24.344.151</u>	<u>5.354.300</u>	<u>22.0%</u>
I	<u>Chi đầu tư phát triển</u>	<u>5.193.307</u>	<u>1.050.000</u>	<u>20.2%</u>
II	<u>Chi thường xuyên</u>	<u>18.740.072</u>	<u>4.269.300</u>	<u>22.8%</u>
1	Chi sự nghiệp môi trường	166.765	37.600	22.5%
2	Chi sự nghiệp kinh tế	1.873.660	450.000	24.0%
3	Chi sự nghiệp Giáo dục và đào tạo	8.046.111	1.850.000	23.0%
4	Chi sự nghiệp Y tế	2.109.457	455.000	21.6%
5	Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ	47.204	8.700	18.4%
6	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin-thể dục thể thao	303.655	67.000	22.1%
7	Chi các ngày lễ lớn	10.000	4.000	40.0%
8	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	45.351	8.500	18.7%
9	Chi bảo đảm xã hội	1.158.632	270.000	23.3%
10	Chi quản lý hành chính	3.408.653	790.000	23.2%
11	Chi an ninh quốc phòng địa phương	364.966	90.000	24.7%
12	Chi thi đua khen thưởng	40.000	5.000	12.5%
13	Chi khác ngân sách	196.702	15.500	7.9%
14	Kinh phí trang bị phương tiện làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin	30.000	5.000	16.7%
15	Vốn nước ngoài, Trung ương hỗ trợ có mục tiêu và hỗ trợ khác	372.120	70.000	18.8%
16	Chi hỗ trợ các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính; đảm bảo an toàn giao thông	65.732	18.000	27.4%
17	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định hiện hành	25.000	20.000	80.0%
18	Các CTMT Quốc gia (vốn SN)	476.065	105.000	22.1%
III	<u>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</u>	<u>2.890</u>	<u>0</u>	<u>0.0%</u>
IV	<u>Chi từ nguồn Dự phòng NSDP</u>	<u>407.882</u>	<u>35.000</u>	<u>8.6%</u>
B	<u>Bồi thu NSDP</u>	<u>424.600</u>	<u>0</u>	<u>0.0%</u>
C	<u>Chi trả nợ gốc</u>	<u>716.900</u>	<u>0</u>	<u>0.0%</u>